

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGÂN SƠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2019/HS-ST**
Ngày: 03-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chu Văn Sín;

Ông Đào Việt Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nông Văn Thượng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Lường Văn S (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 20 tháng 11 năm 1982 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKTTT và nơi cư trú: Thôn A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lường Văn T, sinh năm 1957 và bà Hoàng Thị D (đã chết); Bị cáo có vợ là Hứa Thị H, sinh năm 1985 và 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2018 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ngân Sơn. (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Sầm Đức T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Hứa Thị H, sinh năm 1985 - Trú tại: Thôn A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

- Người làm chứng:

- Anh Phùng Văn L, sinh năm 1975 – Nơi cư trú: Thôn D, thị trấn E, huyện G, tỉnh Bắc Kạn.

- Anh Dương Xuân H, sinh năm 1976 – Nơi cư trú: Thôn G, thị trấn N, huyện M, tỉnh Bắc Kạn.

Những người làm chứng đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 05 phút, ngày 16/12/2018 tại khu vực đường Quốc lộ 279 thuộc thôn N, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện N đang làm nhiệm vụ tuần tra tội phạm về ma túy thì phát hiện, bắt quả tang Lương Văn S, sinh năm 1982, trú tại Thôn A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ gồm 01 (Một) gói nhỏ ma túy (Heroine) dạng nén được gói bằng 01 (Một) lớp giấy mặt bên ngoài màu vàng, mặt bên trong màu trắng để trong túi áo khoác bên trái đằng trước của Lương Văn S, có khối lượng 0,280g (Không phải hai tám không gam); Tăm giữ 01 (Một) điện thoại di động màu đen, viền màu đỏ, có bàn phím bấm; 01 xe máy BKS 97B1 – 42522; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Hứa Thị H; 01 Giấy phép lái xe mang tên Lương Văn S; 01 Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Lương Văn S; số tiền 930.000đ (Chín trăm ba mươi nghìn đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn tiến hành khám xét khẩn cấp người, đồ vật, chỗ ở đối với Lương Văn S. Qua khám xét thu giữ 01 (Một) cân tiểu ly ở trong máng chắn lợn bằng kim loại; số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) tại ngăn bên trái tủ gỗ của gia đình.

Toàn bộ số ma túy (Heroine) thu giữ của Sơn khi bắt quả tang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn đã tiến hành niêm phong, sau khi cân tịnh xác định khối lượng và thử phản ứng phát hiện chất ma túy, đã niêm phong lại toàn bộ số ma túy trong phong bì V1 để trưng cầu giám định theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 06/KTHS – MT, ngày 20/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất trong phong bì ký hiệu V1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,280g (Không phải hai tám không gam).

Lương Văn S khai nhận: Bản thân được bán ma túy 02 (Hai) lần:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 19 giờ 20 phút, ngày 15/12/2018, bán cho Phùng Văn L, sinh năm 1975, trú tại thôn D, thị trấn E, huyện G, tỉnh Bắc Kạn 01 (Một) lần 01 (Một) gói nhỏ ma túy với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), địa điểm bán tại chân dốc đường đất đi vào nhà của S thuộc Thôn A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Lần thứ hai: Vào khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 15/12/2018, bán cho Dương Xuân H, sinh năm 1976, trú tại Thôn G, thị trấn N, huyện M, tỉnh Bắc Kạn 01 (Một) lần 01 (Một) gói nhỏ ma túy với giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), địa điểm bán tại lề đường Quốc lộ 279 gần trạm trộn nhựa đường thuộc thôn N, thị trấn N, huyện S, tỉnh Bắc Kạn.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng là Phùng Văn L và Dương Xuân H.

Về nguồn gốc số ma túy (Heroine) là do S mua với một người đàn ông khoảng 20 tuổi (Không biết tên, địa chỉ) vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 15/12/2018. Địa điểm mua là bãi mộ khu đồi 13 thuộc thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Số ma túy đã mua, S để sử dụng và bán. Sau khi đã bán cho L và H, số ma túy còn lại S đang cất giữ trong người thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật ngày 16/12/2018.

Anh Mã Văn T, sinh năm 1972, trú tại thôn K, thị trấn I, huyện O, tỉnh Bắc Kạn xác nhận: Ngày 16/12/2018, bản thân anh được chứng kiến việc Cơ quan Công an bắt quả tang Lương Văn S khi đang có hành vi cất giấu ma túy.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSNS, ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Lương Văn S về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 05 đến 06 năm tù.

Về xử lý vật chứng trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy (Heroine) và chiếc cân tiểu ly, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, 02 chiếc sim gắn trong chiếc điện thoại; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) do bị cáo phạm tội mà có trong tổng số tiền 930.000đ (Chín trăm ba mươi nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo. Sau khi thi hành xong phần tiền mà bị cáo phải thi hành, số tiền còn lại trả lại cho bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị xem xét việc bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo, hiểu biết pháp luật hạn chế, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là từ 04 đến 05 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo Lương Văn S khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bổ sung bào chữa hay khiếu nại gì. LỜI sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo

Do bản thân nghiện ma túy, hám lời nên Lương Văn S, sinh năm 1982, trú tại Thôn A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã có hành vi mua ma túy (Heroine) về để sử dụng và bán cho các đối tượng nghiện chất ma túy khác, cụ thể: Trong ngày 15/12/2018, bán cho Phùng Văn L, sinh năm 1975, trú tại thôn D, thị trấn E, huyện G, tỉnh Bắc Kạn 01 (Một) lần 01 (Một) gói nhỏ ma túy (Heroine) với số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) và Dương Xuân H, sinh năm 1976, trú tại Thôn G, thị trấn N, huyện M, tỉnh Bắc Kạn 01 (Một) lần 01 (Một) gói nhỏ ma túy (Heroine) với số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Thu được tổng số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Ngày 16/12/2018, khi S đang cất giữ 01 (Một) gói nhỏ ma túy (Heroine) có khối lượng 0,280g (Không phải hai tám không gam) nhằm mục đích sử dụng và bán thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương, làm gia tăng tỷ lệ người nghiện ma túy trong cộng đồng, phát sinh nhiều tệ nạn nguy hiểm xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn quyết định truy tố bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Người bào chữa tại phiên tòa đã đưa ra được nhưng chứng cứ chứng minh về các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và các chứng cứ khác nhằm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xét thấy bản bào chữa của người bào chữa có căn cứ và cơ sở pháp luật, do vậy cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân, trong quá trình điều tra bị cáo đã tự mình khai nhận trước đó còn được bán ma túy cho L và H. Do vậy, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ là “*Người phạm tội tự thú*” và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm r và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo có ông nội ông Lương Văn Đ là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được Nhà nước ta tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba do vậy cần coi đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về hình phạt đối với bị cáo

Về hình phạt chính, xét thấy cần phải buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù tại trại giam một thời gian nhất định. Tuy nhiên, xét thấy bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình là hộ nghèo, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có hai con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình, tại phiên tòa bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo phạm tội lần đầu, khối lượng ma túy (Heroine) bị thu giữ không nhiều. Ngoài ra, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật, vì vậy cần xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, xử phạt bị cáo theo khung hình phạt liền kề nhẹ hơn, như vậy vẫn đảm bảo tính răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, sớm trở về với cộng đồng để trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và cộng đồng. Điều đó cũng thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội, thể hiện chính sách pháp luật phù hợp với người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ do đó không xem xét áp dụng.

[5] Trong vụ án này còn có các đối tượng L và H là hai đối tượng mua ma túy với bị cáo về để sử dụng, xét hành vi của các đối tượng này không cấu thành tội phạm do vậy không xem xét xử lý. Còn đối tượng bán ma túy cho bị cáo, quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xem xét, xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án

- Tang vật của vụ án là 0,250g (Không phải hai năm không gam) chất ma túy (Heroine) (hoàn lại sau khi giám định) là vật cầm lưu hành nên cần tịch thu tiêu

huỷ; giấy gói cũ, phong bì niêm phong cũ; 01 (Một) cân tiểu ly có vỏ bằng gỗ, đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo xét không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, viền màu đỏ, có bàn phím bấm có gắn thẻ sim số 0384.260.132 và số 0383.462.546, có số IMEL 1 là 352121082754027 và IMEL 2 là 352121082754035, điện thoại đã qua sử dụng, máy bật không lên nguồn thu giữ của bị cáo. Đây là chiếc điện thoại và thẻ sim bị cáo dùng để liên lạc mua, bán ma túy, hiện nay không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) do bị cáo bán ma túy mà có trong tổng số tiền 930.000 (Chín trăm ba mươi nghìn) đồng thu giữ của bị cáo.

- Quá trình điều tra, đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1-42522; 01(Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Hứa Thị H; số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Hứa Thị H; 01 Giấy phép lái xe mang và 01 Giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Lương Văn S đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp (Vợ bị cáo là Hứa Thị H đã nhận lại). Xét việc trả lại các tài sản, giấy tờ trên là hoàn toàn phù hợp, không có ai yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí, do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 251, Điều 38, Điều 47, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Tuyên bố bị cáo Lương Văn S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo 16 tháng 12 năm 2018 .

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án:

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

+ 0,250g (Không phẩy hai năm không gam) chất ma túy (Heroine) trong phong bì niêm phong kí hiệu T06;

+ 01 (Một) phong bì niêm phong giấy gói cũ, phong bì niêm phong cũ kí hiệu V2;

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, viền màu đỏ, có bàn phím bấm, điện thoại đã qua sử dụng, máy bật không lên nguồn và 02 thẻ sim số 0384.260.132 và số 0383.462.546, có số IMEL 1 là 352121082754027 và IMEL 2 là 352121082754035 gắn trong điện thoại thu giữ của bị cáo.

+ 01 (Một) cân tiêu ly có vỏ bằng gỗ, đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo.

2.2. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) do bị cáo phạm tội mà có trong tổng số tiền 930.000đ (Chín trăm ba mươi nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo. Sau khi thi hành xong phần tiền mà bị cáo phải thi hành, số tiền còn lại trả lại cho bị cáo.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản bàn giao ngày 10/5/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn).

3. Về án phí: Bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- CA huyện;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Út Lệ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Văn Sín

Đào Việt Hưng

Hoàng Út Lệ